

I. TRẮC NGHIỆM (5.0 điểm):

Câu 1: Trong xã hội chiếm hữu nô lệ, chủ nô là:

- A. chủ xưởng giàu có, người nắm mọi quyền hành và bóc lột nô lệ dã man.
- B. chủ xưởng giàu có, chăm lo cuộc sống của tất cả mọi người.
- C. là những người bỏ vốn đầu tư thuê nô lệ làm việc cho mình.
- D. là người đứng đầu quân đội.

Câu 2: Trong xã hội cổ đại Hi Lạp, Rô-ma, chủ nô thường gọi nô lệ là gì?

- A. “Gỗ mun”.
- B. “Kẻ ăn bám”.
- C. “Công cụ biết nói”.
- D. “Hàng hóa”.

Câu 3: Tác phẩm nào không phải thành tựu của văn học Hy Lạp?

- A. Sử thi I-li-át.
- B. Ô-đi-xê của Hô me.
- C. Kịch thơ Ô re xti của Ét-xin.
- D. Nghìn lẻ một đêm.

Câu 4: Đâu là công cụ người tinh khôn sử dụng?

- A. Rìu đá, đục, dao.
- B. Rìu đá, kiếm, dao.
- C. Rìu đá, đục, kiếm.
- D. Đục, kiếm, dao.

Câu 5: Văn hóa Hoà Bình thuộc thời kỳ đồ đá nào?

- A. Đồ đá cũ.
- B. Đồ đá mới.
- C. Đồ đá cũ sang đồ đá mới.
- D. Đồ sắt.

Câu 6: Quốc gia phương Tây cổ đại xuất hiện đầu tiên ở đâu?

- A. Ở Tây Âu.
- B. Ở Nam Âu.
- C. Ở Bắc Âu.
- D. Ở Trung Âu.

Câu 7: Đứng đầu Chiềng, chạ là:

- A. Vua.
- B. Lạc hầu.
- C. Lạc tướng.
- D. Bò chính.

Câu 8: Công cụ lao động của cư dân Hoà Bình - Bắc Sơn là gì?

- A. Rìu bằng đá được mài ở lưỡi.
- B. Rìu bằng hòn cuội.
- C. Đá được ghè đều thô sơ.
- D. Những viên đá nhỏ nhưng có góc cạnh sắc.

Câu 9: Để mô tả cuộc sống của mình, người nguyên thủy đã:

- A. ghi chép lại trong các cuốn sử.
- B. vẽ lên mặt trống đồng.
- C. vẽ trên vách hang động.
- D. kể lại cho con cháu nghe.

Câu 10: Cư dân Lương Hà là những người giỏi về môn khoa học nào?

- A. Hình học.
- B. Số học.
- C. Thiên văn.
- D. Văn học.

Câu 11: Chiều cao của thành Cổ Loa từ:

- A. 5 - 15m.
- B. 5 - 10m.
- C. 5 - 20m.
- D. 10 - 20m.

Câu 12: Ai là người chỉ huy quân ta đánh Tần?

- A. Cao Lỗ.
- B. Vua Hùng Vương.
- C. Kinh Dương Vương.
- D. Thục Phán.

Câu 13: Xã hội cổ đại phương Tây có mấy giai cấp?

- A. 2.
- B. 3.
- C. 4.
- D. 5.

Câu 14: So với đồ đá, vì sao đồ đồng ưu việt hơn?

- A. Đồ đồng dễ sản xuất hơn.
- B. Đồ đồng làm công cụ đa dạng hơn.
- C. Đồ đồng cứng hơn.
- D. Đồ đồng dễ tìm hơn.

Câu 15: Cư dân Lạc Việt sống tập trung ở:

- A. Ven đồng bằng ven sông Hồng, sông Mã, sông Cả.
- B. Ven đồi núi.
- C. Trong thung lũng.
- D. Thảo nguyên.

Câu 16: Sau những ngày lao động mệt nhọc, cư dân Văn Lang thường làm gì:

- A. chuẩn bị bữa ăn cho hôm sau.
- B. tổ chức ăn uống linh đình.
- C. tổ chức lễ hội, vui chơi.
- D. rèn đúc công cụ lao động.

Câu 17: Đâu không phải đặc điểm xã hội trong văn hóa Đông Sơn?

- A. Xã hội theo chế độ mẫu hệ.
- B. Hình thành làng bản, chiềng chạ.
- C. Xã hội đã có sự phân chia giai cấp.
- D. Nô lệ là lực lượng sản xuất chính của xã hội.

Câu 18: Phát minh có ý nghĩa to lớn nhất của người nguyên thủy trên đất nước ta là gì?

- A. Rìu có vai.
- B. Đồ gốm có hoa văn.
- C. Rìu mài nhọn.
- D. Thuật luyện kim.

Câu 19: Người nguyên thủy cũng đã biết làm chì lưới để đánh cá bằng:

- A. hợp kim.
- B. chì.
- C. Đất nung.
- D. vải.

Câu 20: Loại công cụ nào đã góp phần tạo nên bước chuyển biến xã hội?

- A. Công cụ bằng đá.
- B. Công cụ bằng tre.
- C. Công cụ bằng xương.
- D. Công cụ bằng đồng.

II. TỰ LUẬN (5.0 điểm)

Câu 1(2.0 điểm): Em có nhận xét gì về việc đúc một số đồ dùng bằng đồng hay làm một bình bằng đất nung, so với việc làm một công cụ đá?

Câu 2(3.0 điểm): Hãy điểm lại những nét chính về công cụ sản xuất và ý nghĩa của việc phát minh ra thuật luyện kim.

_____ **Hết** _____

